TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 30/2020/QĐST – HNGĐ	*Bình Sơn, ngày 15 tháng 6 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 118/2020/TLST – HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Anh Trần Ngọc Ch, sinh năm 1989;

2/ Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1993;

Đều địa chỉ: Vức x, thông Th, xã B, huyện B1, tỉnh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Ngọc Ch và chị Nguyễn Thị Kim L có quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện N, tỉnh C vào ngày 01/3/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Ch thâm lậm chơi cờ bạc, thiếu trách nhiệm với vợ con, làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không còn có sự tin tưởng lẫn nhau và không sống chung với nhau từ khi chị L sinh con cho đến nay. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Ngọc Ch và chị Nguyễn Thị Kim L mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2] *Về con chung*: Anh Ch và chị L thống nhất có một con chung là Trần Nguyễn Diệu H, sinh ngày 30/12/2019. Anh Ch, chị L thỏa thuận giao con Trần Nguyễn Diệu H cho chị L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi

dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án công nhận thỏa thuận về nuôi con của anh, chị.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Ch, chị L thỏa thuận, anh Chuyên cấp dưỡng nuôi con chung Trần Nguyễn Diệu H, sinh ngày 30/12/2019 cho chị L, mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được tính từ tháng 6/2020 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Ngọc Ch và chị Nguyễn Thị Kim L thuận tình ly hôn.

1.2. *Về con chung*: Anh Trần Ngọc Ch và chị Nguyễn Thị Kim L thống nhất có một con chung là Trần Nguyễn Diệu H, sinh ngày 30/12/2019. Anh Trần Ngọc Ch và chị Nguyễn Thị Kim L thỏa thuận giao con Trần Nguyễn Diệu H cho chị L tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Ch cấp dưỡng nuôi con chung Trần Nguyễn Diệu H, sinh ngày 30/12/2019 cho chị L mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được tính từ tháng 6/2020 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Anh Ch có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết một trong hai bên; cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có.

1.4. *Về lệ phí Tòa án*: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh Trần Ngọc Ch và chị Nguyễn Thị Kim L có nghĩa vụ nộp sung công quỹ Nhà nước nhưng anh Ch, chị L đã nộp lệ phí sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nên được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000757, ngày 05/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Q.

2. *Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân*

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận**:*
- Đương sự;
- TAND tỉnh Q;
- VKSND, Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Bùi Viết Tiến